

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2018

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ơng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nhâm Đức Hùng

- Th- ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung– Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trâm- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 15, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Lâm Tấn N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà, tổ 7, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 của nguyên đơn Võ Thị Bích N, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung các phiên không hoà giải đ- ọc ngày 27/4/2018, 22/5/2018, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Chị Võ Thị Bích N trình bày: Vào năm 2001, do mai mối và đ- ọc sự đồng ý của gia đình hai bên, chị Võ Thị Bích N cùng anh Lâm Tấn N tổ chức lễ c- ối vào ngày 21/01/2001 đ- ơng lịch, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị N và anh N có 02 ng- ời con chung là cháu Lâm Bích T, sinh ngày 10/10/2003, cháu Võ Lâm Bích N, sinh ngày 13/11/2012 đang do chị N trực tiếp nuôi d- ỡng từ khi chị N và anh N ly thân đến nay; không có tài sản chung; không

có nợ chung. Chị N và anh N ly thân một năm nay do anh N hay nhậu nhẹt, không lo kinh tế gia đình. Chị N yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ọc ly hôn với anh Lâm Tấn N.

- Về con chung: Đ- ọc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục các cháu Lâm Bích T, Võ Lâm Bích N cho đến khi cháu T, cháu N tròn 18 tuổi, yêu cầu anh N cấp d- ỡng nuôi cháu T, cháu N với số tiền là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp d- ỡng đ- ọc tính từ ngày 27/4/2018 d- ơng lịch cho đến khi cháu T, cháu N tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị N không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lâm Tấn N theo quy định của pháp luật, nh- ng anh N vẫn cố tình trốn tránh, nên Tòa án không thu thập đ- ọc lời khai của anh N.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị Bích N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên và bổ sung là hiện nay chị làm nghề phụ giúp việc nhà với mức l- ơng mỗi tháng là 6.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Võ Thị Bích N và anh Lâm Tấn N là quan hệ vợ chồng, chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Bích N về việc nuôi con và cấp d- ỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2001, chị Võ Thị Bích N và anh Lâm Tấn N thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 27/02/2018, chị Võ Thị Bích N có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ọc ly hôn với anh Lâm Tấn N và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị N và anh N. Đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Lâm Tấn N tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt, niêm yết Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15/8/2018 và Thông báo về việc thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 05/TB-TA, ngày 17/8/2018 cho anh Lâm Tấn N theo quy định của pháp luật, anh Lâm Tấn N vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đ- ọc sự thống nhất của chị Võ Thị Bích N và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt anh Lâm Tấn N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích N:

2.1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Bích N và anh Lâm Tấn N đi đến hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ c-ới vào ngày 21/01/2001 d-ơng lịch, nh-ng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Võ Thị Bích N và anh Lâm Tấn N là hôn nhân không hợp pháp. Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị Võ Thị Bích N và anh Lâm Tấn N là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung và quyền nuôi con: Chị Võ Thị Bích N xác định là chị và anh Lâm Tấn N có 02 ng-ời con chung là cháu Lâm Bích T, sinh ngày 10/10/2003, cháu Võ Lâm Bích N, sinh ngày 13/11/2012 đang do chị N trực tiếp nuôi d-ỡng từ khi chị N và anh N ly thân đến nay. Lời khai của chị N đ-ọc ông Danh Ngọc T (Tr-ởng Ban lãnh đạo ấp P) xác nhận tại biên bản xác minh ngày 22/5/2018. Chị N yêu cầu đ-ọc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục các cháu Lâm Bích T, Võ Lâm Bích N cho đến khi cháu T, cháu N tròn 18 tuổi.

Xét rằng: Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 19/3/2018, cháu Lâm Bích T có nguyện vọng xin đ-ọc ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu Lâm Bích T, Võ Lâm Bích N và để ổn định về tâm lý cho cháu T, cháu N, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Võ Thị Bích N.

2.3. Về cấp d-ỡng nuôi con: Chị Võ Thị Bích N yêu cầu anh Lâm Tấn N cấp d-ỡng nuôi cháu T, cháu N với số tiền là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp d-ỡng đ-ọc tính từ ngày 27/4/2018 d-ơng lịch cho đến khi cháu T, cháu N tròn 18 tuổi.

Xét rằng: Hiện nay chị Võ Thị Bích N làm nghề phụ giúp việc nhà với mức l-ơng mỗi tháng là 6.000.000 đồng mà phải nuôi hai con nhỏ, nên rất khó khăn về kinh tế. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu Lâm Bích T, Võ Lâm Bích N, Tòa án chấp nhận yêu cầu cấp d-ỡng nuôi con của chị Võ Thị Bích N, buộc anh Lâm Tấn N phải có nghĩa vụ cấp d-ỡng nuôi cháu T với số tiền là 1.000.000đ mỗi tháng, thời gian cấp d-ỡng đ-ọc tính từ ngày 27/4/2018 d-ơng lịch cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi; buộc anh Lâm Tấn N phải có nghĩa vụ cấp d-ỡng nuôi cháu N với số tiền là 1.000.000đ mỗi tháng, thời gian cấp d-ỡng đ-ọc tính từ ngày 27/4/2018 d-ơng lịch cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các tr-ờng hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ọc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng-ời đ-ọc thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ng-ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng-ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr-ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng-ời con, các đ-ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Bích N xác định là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Bích N.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Võ Thị Bích N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Võ Thị Bích N phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Võ Thị Bích N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003578, ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Võ Thị Bích N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Lâm Tấn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Võ Thị Bích Nọc và anh Lâm Tấn N là quan hệ vợ chồng.

2- Về con chung: Giao cháu Lâm Bích T, sinh ngày 10/10/2003 và cháu Võ Lâm Bích N, sinh ngày 13/11/2012 cho chị Võ Thị Bích N đ-ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục cho đến khi cháu T, cháu N tròn 18 tuổi; anh Lâm Tấn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ-ợc quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lâm Tấn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Bích T với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng đ-ợc tính từ ngày 27/4/2018 d-ợng lịch cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi; buộc anh Lâm Tấn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Lâm Bích N với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng đ-ợc tính từ ngày 27/4/2018 d-ợng lịch cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các tr-ờng hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

ng- ời đ- ọc thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Võ Thị Bích N không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Võ Thị Bích N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Võ Thị Bích N phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Võ Thị Bích N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003578, ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Võ Thị Bích N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Lâm Tấn N phải chịu án phí cấp d- ỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2018), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng